

Số: /GPMT-SNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 209/QĐ-TTPVHCC ngày 12/02/2026 của Trung tâm phục vụ hành chính công về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-SNNMT ngày 05/3/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội; Quyết định số 479/QĐ-SNNMT ngày 03/3/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc phân công công tác giữa Giám đốc Sở và các Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 296/UQ-NKDT ngày 24/10/2025 của Nhà khách Dân tộc, sau đây gọi là Chủ dự án) tại Văn bản số 12/ĐN-HT ngày 12/12/2025 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư: “Đầu tư xây dựng Khách sạn Dân tộc” (sau đây gọi là Dự án), Văn bản số 02/CV-HT ngày 02/4/2026 về việc chỉnh sửa,

bổ sung và hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Liên danh Nhà khách Dân tộc và Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành, địa chỉ trụ sở chính: Số 349 phố Đội Cấn, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội (Nhà khách Dân tộc) và số 10 phố Nam Đồng, phường Đồng Đa, thành phố Hà Nội (Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư: “Đầu tư xây dựng Khách sạn Dân tộc” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng Khách sạn Dân tộc.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 349 phố Đội Cấn, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội (trước đây là phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội).

1.3. Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 18/6/2009 của Ủy ban Dân tộc về việc thành lập Nhà khách Dân tộc; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0102249010, đăng ký lần đầu ngày 10/5/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 04/6/2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành.

1.4. Mã số thuế: 0101094565 (Nhà khách Dân tộc); 0102249010 (Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành)

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Tổ hợp công trình khách sạn, thương mại, căn hộ du lịch và văn phòng cho thuê.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Diện tích khu đất khoảng 2.960 m², trong đó: Diện tích đất xây dựng công trình khoảng 2.764 m² và diện tích đất nằm trong phạm vi mở đường theo quy hoạch khoảng 196 m².

- Nhóm dự án: Nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí về môi trường tương đương dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Quy mô, công suất của Dự án được xem xét, cấp phép tại Giấy phép môi trường này:

+ Diện tích khu đất khoảng 2.960 m² (diện tích đất xây dựng công trình khoảng 2.764 m², diện tích đất nằm trong phạm vi mở đường theo quy hoạch khoảng 196 m²);

+ Diện tích xây dựng công trình: 1.473 m²;

+ Mật độ xây dựng 53,3%;

- + Tổng diện tích sàn xây dựng tầng nổi: 35.085 m²;
- + Số tầng cao: 24 tầng;
- + Số tầng hầm: 04 tầng;
- + Tổng số căn hộ dịch vụ khách sạn: 193 căn;
- + Tổng số phòng khách sạn: 84 phòng.

(Quyết định số 4307/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng khách sạn dân tộc; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 002248 ngày 26/4/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp cho Nhà khách Dân tộc).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Liên danh Nhà khách Dân tộc và Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Liên danh Nhà khách Dân tộc và Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở

địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày tháng năm 2036).

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội, UBND phường Ngọc Hà và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố; | (để b/cáo)
- Giám đốc Sở;
- PGĐ Sở Nguyễn Minh Tấn;
- UBND phường Ngọc Hà;
- Trung tâm Phục vụ HCC thành phố Hà Nội;
- Trung tâm CNTT và CDS NN&MT Hà Nội (để đăng tải trên Cổng TTĐT của Sở);
- Phòng Quản lý môi trường;
- Liên danh Nhà khách Dân tộc và Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành;
- Lưu: VT, HS, QLMT.

MHS: H26.103-251217-0025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Tấn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-SNNMT ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực thương mại, phòng khách sạn, căn hộ du lịch, văn phòng.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ nhà bếp.
- Nguồn số 03: Nước thải rửa lọc từ hệ thống lọc nước (phát sinh không thường xuyên).
- Nguồn số 04: Nước thoát sàn khu vực phòng chứa rác (phát sinh không thường xuyên).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

- 01 dòng nước thải sinh hoạt sau Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 280 m³/ngày đêm.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom, thoát nước thải trên đường Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí: Hố ga G-NT4 sau Hệ thống xử lý nước thải công suất 280 m³/ngày đêm, trước khi xả vào hệ thống thoát nước của Thành phố tại hố ga T1 trên đường Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰):

$$X = 2\ 327\ 306 \qquad Y = 584\ 537$$

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 280 m³/ngày đêm.**2.4. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức.****2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục.****2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:**

2.6.1. Chất lượng nước thải sau Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 280 m³/ngày đêm trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, K=1– áp dụng đối với khách sạn, nhà nghỉ từ 50 phòng hoặc khách sạn được xếp hạng 3 sao trở lên; cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	5-9	03 tháng/lần ^(*)	Không thực hiện ^(**)
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1000		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5000		

(*): Không yêu cầu bắt buộc, theo đề xuất của Chủ dự án.

(**): Theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Điều 28 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

(***): Chủ dự án có phương án, lộ trình nâng cấp Hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo kể từ ngày 01/01/2032 giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung).

B. CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Trong phạm vi khuôn viên của Dự án, thiết kế hệ thống thu gom nước thải riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 280 m³/ngày đêm:

- Nước thải từ xí tiêu → Ống nhánh PVC D110 và D160 → Ống gom PVC → Bể tự hoại 3 ngăn → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 280 m³/ngày đêm.

- Nước thải từ lavabo, thoát sàn → Ống nhánh PVC D90 và D110 → Ống gom PVC D160 và D250 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung 280 m³/ngày đêm.

- Nước thải từ nhà bếp → bể tách mỡ → Ống nhánh PVC D110 → Ống gom PVC D140 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung 280 m³/ngày đêm.

- Nước thải rửa lọc từ hệ thống lọc nước → Đường ống PVC D110 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung 280 m³/ngày đêm.

- Nước thoát sàn khu vực phòng chứa rác → Đường ống PVC D110 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung 280 m³/ngày đêm.

- Thoát nước thải: Nước thải sau Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 280m³/ngày đêm được bơm lên hố ga thoát nước thải tại tầng 1, sau đó tự chảy ra hệ thống thoát nước thải của khu vực trên đường Liễu Giai, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải:

- Bể tự hoại: 01 bể (hợp khối với Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 280 m³/ngày đêm).

- Thể tích: 128 m³.

1.2.2. Công trình xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sau khi xử lý sơ bộ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Hệ thống thoát nước của thành phố.

- Công suất thiết kế: 280 m³/ngày đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Có các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải đối với Hệ thống xử lý nước thải theo Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Có biện pháp ứng phó sự cố kỹ thuật đối với Hệ thống xử lý nước thải trong trường hợp hệ thống hoạt động không đạt yêu cầu hoặc ngừng hoạt động, chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu, sự cố liên quan đến các thiết bị, máy móc hoặc vận hành. Nếu sự cố của Hệ thống xử lý nước thải kéo dài, Chủ dự án cam kết có biện pháp thu gom xử lý nước thải và không xả nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn ra ngoài môi trường.

- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của các máy móc thiết bị để có biện pháp sửa chữa, thay thế kịp thời tránh xảy ra sự cố.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải; lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Chủ dự án phải thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của Dự án cho Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội trước ít nhất là 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 280 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí nước thải đầu vào (tại bể điều hòa) và 01 vị trí nước thải đầu ra (tại hố ga đầu nối nước thải với hệ thống thoát nước chung của khu vực).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép quy định tại mục 2.6.1 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, việc quan trắc chất thải do Chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại mục 2.6.1 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung được quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

3.3. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải trong trường hợp có sự cố về chất lượng nước thải sau xử lý, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm quy định tại Giấy phép môi trường này trước khi xả ra môi trường.

3.4. Bố trí đầy đủ nhân lực, thiết bị, hóa chất để vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải; việc vận hành phải được ghi chép đầy đủ vào nhật ký vận hành: lưu lượng đầu vào, đầu ra; thông số đặc trưng (nếu có); điện năng, hóa chất sử dụng; lượng bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.5. Liên danh Nhà khách Dân tộc và Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này ra môi trường./.

Phụ lục 2**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT ngày / /2026
của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Chủ dự án đầu tư không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải (mùi) từ Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.1.1 Mạng lưới thu gom: Khí thải (mùi) phát sinh từ các bể xử lý của Hệ thống xử lý nước thải tập trung được thu gom theo đường ống thu khí PVC D160 dưới áp suất của quạt hút mùi về tháp xử lý mùi (hấp phụ bằng than hoạt tính). Khí sạch sau xử lý theo đường ống PVC D200 sẽ được kết nối với hệ thống thông khí thoát lên mái.

1.1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Mùi, khí thải phát sinh từ các bể xử lý của Hệ thống xử lý nước thải tập trung → Đường ống thu gom → Quạt hút → Tháp hấp phụ → Hệ thống thông khí → Khí sạch xả ra môi trường.

- Lưu lượng tối đa: 1.540 m³/h.

- Thiết kế tháp hấp phụ mùi: DxH = 1000x2100mm. Vật liệu: Thép SUS304.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo đội ngũ kỹ thuật, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Định kỳ kiểm tra thiết bị quạt hút, ống dẫn khí, theo dõi thường xuyên quá trình vận hành, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý khí thải (mùi).

- Trang bị dự phòng các chi tiết dễ hư hỏng như: Đinh, ốc, vít, van điều khiển, đồng thời thay thế kịp thời các chi tiết hư hỏng. Chuẩn bị một số thiết bị dự phòng đối với một số máy móc dễ hư hỏng như: Hệ thống van, đường ống và một số các phụ tùng khác./.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT ngày / /2026
của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Từ máy thổi khí, máy bơm, quạt hút mùi và các thiết bị được lắp đặt tại Hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 02: Từ máy phát điện dự phòng của Dự án.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí nguồn số 01: Tại khu vực Hệ thống xử lý nước thải.

- Tọa độ vị trí: X = 2 327 301 Y = 584 594

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiếu 3⁰)

- Vị trí nguồn số 02: Tại vị trí đặt máy phát điện dự phòng của Dự án.

- Tọa độ vị trí: X = 2 327 311 Y = 584 568

(Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105⁰, múi chiếu 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26: 2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06h00 ~ trước 18h00)	Tối (18h00 ~ trước 22h00)	Đêm (22h00 ~ trước 6h00)		
1	55	50	45	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Khu vực B

- Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (6:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 6:00)		
1	65	60	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Khu vực B

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.
- Lắp các chi tiết giảm âm, rung; đặt lò xo giảm chấn, chống rung tại chân máy phát điện và nơi thiết bị có phát sinh tiếng ồn lớn; thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu mỡ, vệ sinh cánh quạt...).

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 3 Phần A Phụ lục này.
- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-SNNMT ngày / /2026
của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	10
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	30
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	50
4	Than hoạt tính thải	Rắn	12 01 04	475
5	Bao bì kim loại (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 02	50
Tổng				615

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh:

Bùn thải từ bể tự hoại, Hệ thống xử lý nước thải tập trung khoảng 6,85 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 1.443,9 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng chứa dung tích 120 lít.

- Thùng chứa có dán nhãn tên - mã CTNH theo mục đích phát sinh.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Bố trí 01 kho lưu chứa CTNH có diện tích khoảng 17 m² đặt tại tầng 1, gần kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: sàn lát đá, tường gạch, biển cảnh báo khu vực lưu giữ CTNH, lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang bị thùng chứa cát để phòng ngừa sự cố rò rỉ CTNH lỏng.

2.1.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bùn thải từ Hệ thống xử lý nước thải tập trung được lưu chứa trực tiếp tại bể chứa bùn của Hệ thống xử lý nước thải tập trung, định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

2.2.2. Khu vực/kho lưu chứa: Bể chứa bùn của Hệ thống xử lý nước thải tập trung có thể tích 31,9 m³.

2.2.3. Biện pháp quản lý: chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Khu vực thương mại, khách sạn: Bố trí các thùng chứa rác dung tích 60 – 120 lít để lưu chứa chất thải.

- Khu vực căn hộ dịch vụ: Mỗi tầng bố trí 02 thùng chứa rác dung tích 120 lít.

- Hàng ngày, nhân viên vệ sinh của Dự án có trách nhiệm thu gom rác tại từng tầng, vận chuyển bằng thang máy xuống vị trí lưu chứa rác chung tại tầng 1 của Dự án. Sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Bố trí 01 kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích khoảng 17 m² đặt tại tầng 1, gần kho lưu giữ CTNH.

- Tần suất thu gom: Hàng ngày.

2.3.3. Biện pháp quản lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Tuân thủ nghiêm túc việc phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn, CTNH theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (sau hợp nhất là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Khu lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Chuẩn bị trang thiết bị cần thiết, thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường thường xuyên theo quy định tại các Điều 121, 122, 124, 125, 126 và 129 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 31

Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường) và các quy định khác của pháp luật có liên quan; bao gồm thực hiện các trách nhiệm về tổ chức ứng phó sự cố và phục hồi môi trường sau sự cố (nếu xảy ra sự cố).

- Thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án theo quy định của pháp luật./.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-SNNMT ngày / /2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện nghiêm túc các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động của Dự án.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, hóa chất, phòng cháy chữa cháy.

5. Thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường).

7. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường).

8. Công khai, công bố thông tin về môi trường theo quy định tại Điều 96, Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan.

9. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

10. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.